

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 316/2024/DS-PT
Ngày: 24 - 7 - 2024
“V/v Tranh chấp đòi lại tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ch� Linh

Các Thẩm phán: Ông Võ Bảo Anh
Bà Võ Bích Hải

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Vũ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2024/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 265/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:**

- Bà Hồ Thị Út O, sinh năm 1958.
- Bà Huỳnh D, sinh năm 1985.
- Ông Lê Minh M, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Số A đường T (nay là đường S), khu vực 1, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường S, sinh năm 1988.

Địa chỉ: E H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 16/10/2023).

- **Bị đơn:**

- Bà Đoàn Huỳnh N, sinh năm 1991

2. Ông Đoàn Hữu N1, sinh năm 1995

3. Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1999

Cùng địa chỉ: số C đường S, khu V, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn V, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 03/11/2023).

Địa chỉ liên hệ: Số A T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo: Bà Đoàn Huỳnh N, ông Đoàn Hữu N1, bà Nguyễn Thị Ngọc T là các bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Trường S trình bày và yêu cầu:*

Do có mối quan hệ trong họ hàng với nhau (N – N1 là cháu chú - bác ruột của chồng bà O, T là vợ N1) và nhu cầu cần vốn làm ăn nên ông Đoàn Hữu N1 và vợ là bà Nguyễn Thị Ngọc T có hợp tác làm ăn với bà Hồ Thị Út O và bà Huỳnh D. Tuy nhiên, do làm ăn thất bại nên vợ chồng ông Đoàn Hữu N1, bà Nguyễn Thị Ngọc T có nợ bà O và bà Huỳnh D với số tiền là 1.860.000.000 đồng và nợ bên ngoài số tiền là 500.000.000 đồng.

Ngày 08/3/2021, vợ chồng ông N1 cùng với chị ruột của ông N1 là bà Đoàn Huỳnh N có viết Tờ cam kết xác nhận còn nợ số tiền 1.860.000.000 đồng và xin bà O, bà D cho trả nợ dần hàng tháng ít nhất là 10.000.000 đồng không tính lãi. Trong trường hợp vợ chồng ông N1, bà T và bà Đoàn Huỳnh N có hơn số tiền trả hàng tháng thì sẽ trả thêm, còn nếu có đủ tiền thì sẽ trả một lần dứt nợ cho bà O và bà D. Tuy nhiên, ông Đoàn Hữu N1, bà Nguyễn Thị Ngọc T cùng với bà Đoàn Huỳnh N chỉ trả cho bà O và bà Huỳnh D (con gái bà O) được 239.000.000 đồng rồi không trả nữa và không tiếp tục thực hiện theo nội dung Tờ cam kết đã ký ngày 08/3/2021 với các nguyên đơn.

Còn đối với số tiền 500.000.000 đồng - nợ bên ngoài thì vợ chồng ông Đoàn Hữu N1 – bà Nguyễn Thị Ngọc T cùng với bà Đoàn Huỳnh N có nhờ ông Lê Minh M (chồng bà Huỳnh D) đứng ra vay giúp số tiền như nêu trên tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh C (P) (hợp đồng LD2036371814, ngày 28/12/2020 ngày đáo hạn 28/12/2027). Đối với khoản vay này vợ chồng ông Đoàn Hữu N1 – bà Nguyễn Thị Ngọc T cùng với bà Đoàn Huỳnh N cũng có viết Tờ cam kết vào ngày 08/3/2021 là hàng tháng sẽ chuyển tiền nợ gốc + tiền lãi theo thông báo đóng lãi của ngân hàng (P) cho ông Lê Minh M vào ngày 13 hàng tháng để nộp ngân hàng theo đúng quy định. Ngoài số tiền gốc + tiền lãi đóng hàng tháng cho ngân hàng ra, vợ chồng ông N1 - bà T và bà Đoàn Huỳnh N cũng cam kết là nếu có dư tiền sẽ tắt toán dần hoặc tắt toán 01 lần khoản vay này tại Ngân hàng mà ông Lê Minh M đã đứng ra vay giúp hộ. Bà Đoàn Huỳnh N đã đứng ra

đóng lãi cho giao dịch này được một thời gian, nhưng kể từ ngày 15/9/2022 thì cũng không tiếp tục thực hiện trả gốc và lãi cho ông M để ông trả nợ cho Ngân hàng theo nội dung Tờ cam kết đã ký ngày 08/3/2021 với ông Lê Minh M.

Do đó, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Đoàn Huỳnh N, Đoàn Hữu N1, Nguyễn Thị Ngọc T liên đới trả cho bà Hồ Thị Út O và bà Huỳnh D tổng số tiền 1.621.000.000 đồng (Trong đó có 1.300.000.000 đồng là tiền của bà O; bà Huỳnh D là 321.000.000 đồng); Liên đới trả cho ông Lê Minh M (chồng bà D): 422.859.236 đồng theo hợp đồng LD2036371814, ngày 28/12/2020 ngày đáo hạn 28/12/2027. Đồng thời các nguyên đơn yêu cầu được tính lãi suất chậm trả từ ngày khởi kiện đến khi trả hết nợ, theo lãi suất 10%/năm tương ứng với số nợ và thời gian chậm trả.

** Người đại diện theo uỷ quyền của các bị đơn là ông Huỳnh Văn V trình bày:*

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì các bị đơn không thống nhất. Theo như trình bày của bà Đoàn Huỳnh N, ông Đoàn Hữu N1, bà Nguyễn Thị Ngọc T thì các ông bà không có nợ bà Hồ Thị Út O số tiền 1.300.000.000 đồng, không có nợ ông Lê Minh M 500.000.000 đồng. Riêng đối với bà Huỳnh D thì các bị đơn thừa nhận có nợ nhưng chưa xác định được được số tiền nợ cụ thể là bao nhiêu. Các bị đơn đang trong quá trình thu thập lại các hóa đơn, chứng từ liên quan đến việc vay mượn tiền này nên đề nghị Tòa án cho bị đơn thêm thời gian để thu thập chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Trường S trình bày: Các nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng ông Đoàn Hữu N1, Nguyễn Thị Ngọc T và bà Đoàn Huỳnh N liên đới trả cho bà Hồ Thị Út O 1.300.000.000 đồng, trả cho bà Huỳnh D 321.000.000 đồng; Đối với ông Lê Minh M, số tiền ông yêu cầu các bị đơn trả có điều chỉnh từ 422.859.236 đồng thành 418.562.559 đồng. Đồng ý yêu cầu được tính lãi chậm trả trên số tiền nợ kể từ ngày khởi kiện cho đến khi thanh toán xong với mức lãi suất 10%/năm. Ngoài ra, đối với Tờ cam kết được ký kết giữa ông Lê Minh M và bà Đoàn Huỳnh N, ông N1, bà T được lập ngày 08/3/2021 chứ không phải năm 2020, do khi lập biên nhận viết sai năm.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là ông Huỳnh Văn V trình bày: Ông đại diện chi bà N, ông N1, bà T xác nhận còn nợ bà O và bà Huỳnh D số tiền 1.621.000.000 đồng nhưng số tiền cụ thể của bà D và bà O là bao nhiêu thì các bị đơn không xác định được. Đối với số tiền 500.000.000 đồng, các bị đơn cho rằng không có mượn tiền của ông M mà là do ông M, bà D tự cộng tiền lãi của số tiền nợ 1.860.000.000 đồng rồi buộc các bị đơn ký xác nhận có mượn 500.000.000 đồng của ông M, các bị đơn đã đóng tiền cho ông M từ khi ký biên nhận đến tháng 9/2022 với số tiền là 210.417.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của ông M và khấu trừ số tiền bà N đã đóng qua phần nợ của bà D và bà O.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 42/2024/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Hồ Thị Út O, bà Huỳnh D, ông Lê Minh M đối với các bị đơn bà Đoàn Huỳnh N, ông Đoàn Hữu N1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T.

- Buộc Đoàn Huỳnh N, ông Đoàn Hữu N1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T liên đới trả cho bà Hồ Thị Út O tổng số tiền 1.369.330.560 đồng. Trong đó có 1.300.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất chậm trả từ ngày 11/8/2023 đến ngày 23/02/2024 là 69.330.560 đồng.

- Buộc Đoàn Huỳnh N, ông Đoàn Hữu N1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T liên đới trả cho bà Huỳnh D tổng số tiền 338.119.315 đồng. Trong đó có 321.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi suất chậm trả từ ngày 11/8/2023 đến ngày 23/02/2024 là 17.119.315 đồng.

- Buộc Đoàn Huỳnh N, ông Đoàn Hữu N1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T liên đới trả cho ông Lê Minh M tổng số tiền 440.885.003 đồng. Trong đó có 418.562.559 đồng nợ gốc và lãi suất chậm trả từ ngày 11/8/2023 đến ngày 23/02/2024 là 22.322.444 đồng.

Kể từ ngày 24/02/2024 các bị đơn phải tiếp tục chịu lãi suất chậm trả với mức 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả cho đến khi trả đủ tiền cho các nguyên đơn.

- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 15/2023/QĐ-BPKCTT ngày 30/10/2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, TP . đến khi Tòa án có Quyết định thay đổi, hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời này.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Huỳnh N, ông Đoàn Hữu N1, bà Nguyễn Thị Ngọc T phải liên đới chịu 74.966.698 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Huỳnh D được nhận lại 8.025.000 đồng, ông Lê Minh M được nhận lại 12.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000191 và 0000192 cùng ngày 04/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, TP ..

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 29 tháng 02 năm 2024, các bị đơn đề nghị bác yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền nợ theo Giấy cam kết ngày 08/3/2020 với số nợ 500.000.000 đồng, và cần trừ số tiền mà bị đơn đã trả theo Giấy cam kết này với khoản tiền nợ 1.860.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị đơn giữ nguyên kháng cáo, các bên không thỏa thuận được việc giải quyết tranh chấp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, các quy định pháp luật liên quan, đại diện Viện kiểm sát cho

rằng theo các tài liệu, chứng cứ đã thẩm tra cho thấy, bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ. Các bị đơn kháng cáo nhưng không có các tài liệu để chứng minh nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy các bên tranh chấp đòi lại tài sản. Toà án nhân dân quận Ninh Kiều đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ tranh chấp theo các quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với khoản tiền 500.000.000 đồng mà nguyên đơn đòi theo Tờ cam kết đề ngày 08/3/2020, nội dung tờ cam kết thể hiện rằng ông N1, bà T, bà N hàng tháng sẽ chuyển tiền nợ gốc, lãi theo thông báo đóng lãi của ngân hàng. Sự kiện này phù hợp với sao kê và xác nhận của Ngân hàng P nên lời khai và yêu cầu của ông M là có cơ sở. Mặt khác, bị đơn cho rằng đây là số tiền lãi mà bị đơn còn thiếu nhưng bị đơn không chứng minh được đó là tiền lãi của các khoản nợ cụ thể nào. Do vậy, Toà án cấp sơ thẩm buộc các bị đơn trả số nợ còn lại theo xác nhận của phía ngân hàng và tiền lãi trong 12 tháng mà ông M đã đóng thay là có căn cứ.

[3] Tại phiên toà sơ thẩm, phía bị đơn thừa nhận còn nợ bà O và bà D số tiền 1.621.000.000 đồng. Thừa nhận này phù hợp với Tờ cam kết đề ngày 08/3/2021. Theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc bị đơn còn nợ bà O, bà D số tiền trên là đúng sự thật. Toà án cấp sơ thẩm đã buộc các bị đơn trả các khoản tiền này theo yêu cầu của bà O và bà D là có căn cứ.

[4] Bên cạnh nghĩa vụ trả lại tiền cho nguyên đơn, Toà án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu lãi tương ứng là phù hợp với quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Kết hợp với các nhận định nêu trên cho thấy kháng cáo của các bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm, do kháng cáo của các bị đơn không được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn:

- Buộc bà Đoàn Huỳnh N, ông Đoàn Hữu N1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T liên đới trả cho bà Hồ Thị Út O tổng số tiền 1.369.330.560 đồng. Trong đó, nợ vốn là 1.300.000.000 đồng và nợ lãi là 69.330.560 đồng .

- Buộc bà Đoàn Huỳnh N, ông Đoàn Hữu N1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T liên đới trả cho bà Huỳnh D tổng số tiền 338.119.315 đồng. Trong đó, nợ vốn 321.000.000 đồng và nợ lãi 17.119.315 đồng.

- Buộc Đoàn Huỳnh N, ông Đoàn Hữu N1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T liên đới trả cho ông Lê Minh M tổng số tiền 440.885.003 đồng. Trong đó nợ vốn 418.562.559 đồng và nợ lãi là 22.322.444 đồng.

Kể từ ngày 24/02/2024 các bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi với mức 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả cho đến khi trả đủ tiền cho các nguyên đơn.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 15/2023/QĐ-BPKCTT ngày 30/10/2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ đến khi Tòa án có Quyết định thay đổi, hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Huỳnh N, ông Đoàn Hữu N1, bà Nguyễn Thị Ngọc T phải liên đới chịu 74.966.698 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Huỳnh D được nhận lại 8.025.000 đồng, ông Lê Minh M được nhận lại 12.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000191 và 0000192 cùng ngày 05/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Mỗi bị đơn phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí (900.000 đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000994 ngày 05/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, coi như các bị đơn đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TP Cần Thơ;
- TAND quận Ninh Kiều;
- THADS quận Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Chế Linh